

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 08 - 01 - 2026

V/v tranh chấp nam, nữ chung sống với nhau
như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Quang Minh

Ông Nguyễn Việt Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Tiên là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 08 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 470/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 570/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Bé T, sinh năm 1983; CCCD số 096183009988 cấp ngày 02/11/2022; Cư trú tại: Ấp C, xã T, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

Bị đơn: Ông Trần Cu Q, sinh năm 1979; Cư trú tại: Ấp C, xã T, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại các đơn khởi kiện ngày 24/11/2025, 09/12/2025 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Bé T trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Bé T và ông Trần Cu Q chung sống với nhau vào năm 2003, không đăng ký kết hôn. Do tính tình không hòa hợp nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, đời sống hôn nhân không hạnh phúc; vợ chồng không có khả năng hàn gắn mối quan hệ hôn nhân mặc dù đã được gia đình hai bên hoà giải nhiều lần. Do không còn tình cảm với ông Q nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Q.

- Về con chung: Vợ chồng có hai người con chung tên Trần Minh K, sinh ngày 12/7/2004 và Trần Khánh H, sinh ngày 17/10/2008. Cháu K đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà yêu cầu giao cháu H cho ông Q trực tiếp

nuôi dưỡng, bà tự nguyện thực hiện việc cấp dưỡng cho con theo điều kiện thực tế của bản thân, không yêu cầu Toà án giải quyết việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Trần Cu Q: Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Q để tham dự phiên tòa nhưng ông Q không có mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Q về các nội dung khởi kiện của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Cu Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà không có mặt tại phiên tòa (ông Q từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án). Do đó căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Q.

[2] Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Bé T và ông Trần Cu Q chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 mặc dù có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nhưng không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, căn cứ vào các Điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông Q.

[3] Về con chung: Bà T xác định vợ chồng có hai người con chung tên Trần Minh K, sinh ngày 12/7/2004 và Trần Khánh H, sinh ngày 17/10/2008.

Đối với cháu K: Đã thành niên, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đối với cháu H: Khi ly hôn, bà T yêu cầu giao cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện cháu H đang sống chung với cha nên cháu đã có sự gắn bó, thân thiết với cha; ông Q không có ý kiến đối với yêu cầu về con chung của bà T; cháu H cũng có nguyện vọng được sống với cha khi cha mẹ ly hôn. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu H, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, giao cháu H cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T xác định tự cấp dưỡng cho cháu H theo khả năng thực tế của bản thân, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do không ghi nhận được ý kiến của ông Q về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này đương sự có yêu cầu giải quyết thì sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về tài sản chung: Bà T xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do không ghi nhận được ý kiến của ông Q

về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này đương sự có yêu cầu giải quyết thì sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về nợ chung: Bà T xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do không ghi nhận được ý kiến của ông Q về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này đương sự có yêu cầu giải quyết thì sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Nguyên đơn bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 9, 14, 15, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Bé T.

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Huỳnh Thị Bé T và ông Trần Cu Q.

- Về con chung:

Đối với cháu Trần Minh K, sinh ngày 12/7/2004: Đã thành niên nên không xem xét, giải quyết.

Giao cháu Trần Khánh H, sinh ngày 17/10/2008 cho ông Trần Cu Q trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Huỳnh Thị Bé T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H mà không ai được cản trở; bà T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu H được sống chung với ông Q.

Về cấp dưỡng nuôi cháu H: Không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Án phí: Bà Huỳnh Thị Bé T phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), bà T đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005266 ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, được đối trừ chuyển thu.

Bà Huỳnh Thị Bé T đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 2.465.000 đồng (Hai triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005267 ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, được nhận lại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Bé T có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Trần Cu Q có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 3 - Cà Mau;
- Đường sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hồng Hà